Bối cảnh phát triển lưu vực sông Mê Kông và giải pháp ứng phó cho Việt Nam

Trịnh Lê Nguyên và Trần Thị Thanh Thủy[1]

Dòng sông Mê Kông bắt nguồn từ cao nguyên Tây Tạng nối liền 6 quốc gia Trung Quốc, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cambodia và Việt Nam. Với khoảng 4.800km chiều dài, con sông quốc tế này tạo ra nhiều sinh cảnh độc đáo, các hệ sinh thái giàu có và nhiều vùng châu thổ phì nhiêu. Cho đến cuối thế kỷ 20, sông Mê Kông vẫn còn giữ được nhiều nét nguyên vẹn do chưa bị ngăn đập trên phần lớn dòng chảy.

Tuy nhiên, lưu vực sông Mê Kông trong thời gian gần đây trở nên ngày càng sôi động với nhiều diễn biến phát triển nóng gây không ít tranh cãi. Dòng sông quốc tế này đang chứng kiến xu thế cạnh tranh với tâm điểm là việc sử dụng nguồn nước của mỗi quốc gia phục vụ nhu cầu phát triển của riêng mình đi đôi với những hậu quả và thách thức tiềm tàng cho các quốc gia khác.

Ở vị thế là một quốc gia cuối nguồn, Việt Nam đang đứng trước nguy cơ phải gánh chịu nhiều tác động to lớn chưa thể lường trước từ các chương trình, dự án phát triển trên dòng chính ở phía thượng nguồn. Với viễn cảnh các kịch bản phát triển của các quốc gia láng giềng, Việt Nam rất cần có các giải pháp ứng phó và hạn chế tối đa nguy cơ trở thành nạn nhân của những tính toán, sắp đặt trái với tinh thần hợp tác phát triển trong lưu vực.

Box:
Tầm nhìn của lưu vực sông Mê Kông: Một lưu vực sông Mê Kông thịnh vượng về kinh tế, công bằng về xã hội và lành mạnh về môi trường. (*Tuyên bố của Hội nghị Cấp cao của Uỷ hội sông Mê Kông quốc tế lần thứ nhất vào tháng 4 năm 2010 tại Hủa Hỉn, Thái Lan*).

Bối cảnh phát triển lưu vực sông Mê Kông

Sự sôi động của lưu vực sông Mê Kông bắt đầu từ những năm cuối thế kỷ 20. Các nền kinh tế mới nổi trong khu vực và một Trung Quốc đang trỗi dậy đứng trước cơn khát năng lượng phục vụ nhu cầu tăng trưởng nóng. Thủy điện trở thành tâm điểm của các chiến lược đầu tư mới của cả chính phủ và khu vực tư nhân. Bên cạnh đó, gia tăng dân số trong lưu vực và biến động giá cả lương thực trong những năm gần đây đã thúc đẩy các quốc gia đầu tư mạnh mẽ hơn cho cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển và mở rộng sản xuất nông nghiệp.

Trung Quốc là quốc gia đầu tiên đặt dấu chấm hết cho sự nguyên vẹn của con sông Mê Kông với kế hoạch xây dựng ít nhất 7 đập thủy điện trên dòng chính phía thượng nguồn từ cuối những năm 1990. Cho đến nay, họ đã hoàn thành và đưa vào vận hành 4 đập là Mãn Loan (Manwan), Đại Chiếu Sơn (Dachaoshan), Cảnh Hồng (Jinghong) và Tiểu Loan (Xiaowan). Năm 2014, con đập tiếp theo là Nọa Trát Độ (Nuozhadu) dự kiến sẽ được hoàn thiện. Lào và Căm-puchia cũng bắt đầu lên kế hoạch xây dựng 12 đập trên

[1] Trung tâm Con người và Thiên nhiên

dòng chính trong khoảng thời gian này. Ngoài ra, hệ thống các dòng nhánh của sông Mê Kông cũng đã và đang được khai thác cho thủy điện. Dự tính đến năm 2015 sẽ có 36 đập ở các dòng nhánh được đưa vào vận hành và tới năm 2030 sẽ còn có thêm 30 đập thủy điện nữa được triển khai trên các dòng nhánh[1].

Ở phía hạ nguồn, Lào là quốc gia đầu tiên trong 4 thành viên của Ủy hội sông Mê Kông quốc tế thông báo kế hoạch xây đập thủy điện dòng chính. Dự án đập Xayabury được Chính phủ Lào thông báo lên Ủy hội sông Mê Kông quốc tế vào tháng 9/2010 đã vấp phải nhiều phản đối từ nhiều phía do lo ngại về tác động tiềm tàng lên con người và hệ sinh thái. Mới đây, Lào tiếp tục thông báo kế hoạch triển khai tiếp hai dự án thủy điện trên dòng chính sông Mê Kông là đập Don Sahong và đập Pak Beng. Trong những tuyên bố của mình, Chính phủ Lào không dấu giếm tham vọng biến quốc gia này nguồn cung năng lượng cho khu vực.

Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thủy điện dòng chính Mê Kông do Trung tâm Quản lý Môi trường Quốc tế (ICEM) thực hiện cho Ủy hội sông Mê Kông năm 2010 đánh giá Việt Nam "có khả năng tổn thất lớn nhất về kinh tế"[2] do tác động tiềm tàng nếu hệ thống đập dòng chính được xây dựng. Những tổn thất Việt Nam có thể gánh chịu chưa thể tính toán hết. Tuy nhiên, một số tác động có thể dự đoán được bao gồm: (i) giảm dòng chảy trong mùa khô, kết hợp với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng sẽ làm gia tăng nhập mặn, ảnh hưởng đến nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long; (ii) suy giảm lượng phù sa bồi đắp cho đồng bằng từ 26 triệu tấn/năm hiện nay xuống 7 triệu tấn/năm; (iii) thủy sản biển, nước ngọt và nuôi trồng đều sẽ bị ảnh hưởng với ước tính tổn thất ít nhất từ 500 triệu đến 1 tỉ USD mỗi năm[3].

Nghiên cứu công bố năm 2011 của Viện Giải pháp Bền vững thuộc Đại học Portland (Mỹ) phối hợp với Đại học Mae Fah Luang (Thái Lan) thực hiện cho thấy trong tất cả các kịch bản phát triển, Lào luôn ở vị thế hưởng lợi lớn nhất, còn các quốc gia khác trong lưu vực hạ Mê Kông là bên bị thiệt hại[4].

Bên cạnh thủy điện, các quốc gia trong lưu vực cũng đang có các kế hoạch sử dụng nước sông Mê Kông trên quy mô lớn. Lào dự định tăng diện tích tưới tiêu vào mùa khô từ 100.000 hecta/năm lên 300.000 hecta/năm trong vòng 20 năm tới. Cambodia cũng có tham vọng mở rộng sản xuất lúa và cần mở rộng diện tích tưới. Thái Lan đã có kế hoạch từ khá lâu với tham vọng chuyển nước từ dòng chính để giảm hạn hán ở khu vực Đông Bắc. Các hoạt động kinh tế khác khai thác lợi thế của sông Mê Kông bao gồm phát triển nuôi trồng thủy sản, giao thông thủy, quản lý lũ lụt và du lịch[5].

Các dự án chuyển nước của các quốc gia thượng lưu kết hợp với sự hoạt động của đập thủy điện sẽ làm gia tăng sự thiếu hụt nguồn nước ở các quốc gia hạ lưu, trong đó Việt Nam nằm cuối cùng hạ lưu sẽ chịu tác động nặng nề nhất. Thêm vào đó, khi thiếu nguồn nước từ sông Mê Kông đổ về sẽ tạo điều kiện cho xâm nhập mặn từ biển Đông lấn sâu vào đất liền. Thời gian xâm nhập mặn sẽ đến sớm hơn và kéo dài hơn vào mùa khô khi nguồn nước sông Mê Kông đến khu vực hạ lưu bị suy giảm.

Việt Nam và huyết mạch Mê Kông

Phần lãnh thổ Việt Nam nằm trong lưu vực Mê Kông chiếm khoảng 8% diện tích lưu vực và đóng góp khoảng 11 % tổng lượng nước. Phần lãnh thổ này bao gồm thượng nguồn sông Nậm Rốn (Điện Biên), thượng nguồn sông Sê Kông và Sê Ba Hiêng, lưu vực sông Sê San và Srepok và khu vực ĐBSCL.

Việt Nam có hơn 20 triệu người dân sống trong lưu vực sông Mê Kông (hơn 17 triệu ở ĐBSCL và 3 triệu ở Tây Nguyên). Phần lớn dân số phụ thuộc vào nguồn sinh kế nông nghiệp và thủy sản – liên quan mật thiết đến nguồn tài nguyên nước. Nguồn lợi từ sông Mê Kông và các dòng nhánh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với người nghèo, 75% trong số họ sống phụ thuộc vào sản xuất lúa và nuôi trồng thủy sản.

Khu vực ĐBSCL có diện tích tự nhiên 3,9 triệu hecta, trong đó 75% đã được sử dụng cho sản xuất nông nghiệp. Ngoài chức năng là vựa lúa của cả nước, khu vực này cũng là vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất Việt Nam với 71% diện tích nuôi, 72% sản lượng và 75% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản[5]. ĐBSCL đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đảm bảo an ninh lương thực và tăng trưởng kinh tế cho cả nước.

ĐBSCL chịu tác động mạnh mẽ từ nguồn nước sông Mê Kông, trong đó lũ là yếu tố quan trọng nhất. Mỗi năm, khu vực này có từ 1,3-1,5 triệu hecta bị ngập lũ. Dưới tác động của dòng chảy và chế độ lũ, các hoạt động kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng, đất nông nghiệp bị xâm nhập mặn và chua phèn, các hoạt động sản xuất nông nghiệp bị cản trở. Bên cạnh đó, lũ cũng có nhiều mặt tích cực đối với sự hình thành và phát triển của ĐBSCL. Con sông Mê Kông mang về cho đồng bằng nguồn phù sa màu mỡ và nguồn thủy sản tự nhiên giàu có.

Tại khu vực Tây Nguyên, nguồn nước của lưu vực sông Sê San và Srêpok đã được khai thác khá triệt để phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và phát triển thủy điện. Trong trường hợp lưu vực sông Sê San và Srêpok, Việt Nam ở vị thế thượng nguồn. Các hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước ở các lưu vực sông này có thể gây tác động xuyên biên giới đến quốc gia hạ nguồn là Cambodia.

Dòng chảy của con sông Mê Kông có ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển của khu vực ĐBSCL nói riêng và Việt Nam nói chung. Do sự liên quan mật thiết giữ các điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của các tiểu vùng và tổng thể lưu vực sông Mê Kông, những động thái phát triển thượng nguồn và thay đổi dòng dảy sẽ dẫn đến nhiều tác động về môi trường và xã hội ở phía hạ nguồn. Một khi con đập đầu tiên trong chuỗi 12 dự án đề xuất được xây dựng sẽ kéo theo hiệu ứng domino dẫn đến toàn bộ dòng chính phía hạ lưu sẽ bị thay đổi hoàn toàn. Mặc dù còn cần rất nhiều đánh giá, nghiên cứu thấu đáo về tác động tổng thể của kịch bản phát triển này, với những hiểu biết ở thời điểm hiện tại[6], có thể khẳng định rằng Việt Nam gặp rất nhiều bất lợi trong bài toán phát triển sông Mê Kông.

Ứng phó với các kịch bản phát triển lưu vực

Diễn biến phát triển lưu vực sông Mê Kông trong thời gian vừa qua cho thấy đây không đơn thuần là bài toán đánh đổi giữa lợi ích kinh tế và môi trường – xã hội. Ngoại trừ Trung Quốc ở phía thượng nguồn, Lào đang nổi lên là quốc gia có vị thế địa chính trị đặc biệt, có tính then chốt đối với toàn cục phát triển lưu vực. Trong chuỗi domino 12 con đập trên dòng chính (và cả các dự án chuyển nước phục vụ nông nghiệp), một khi con đập đầu tiên được xây dựng sẽ kích hoạt toàn bộ các dự án khác. Việt Nam sẽ phải hứng chịu hậu quả và tác động tích lũy của toàn bộ hệ thống các dự án phát triển này. Mặc dù các quốc gia thành viên Ủy hội sông Mê Kông đã nhất trí hợp tác với tinh thần "đáp ứng nhu cầu, giữ sự cân bằng để hướng tới sự phát triển bền vững của lưu vực sông Mê Kông" (Tuyên bố Hủa Hin 2010), những động thái gần đây ở phía thượng nguồn cho thấy thực tế còn rất nhiều thách thức khi mà mỗi bên đều chỉ cố gắng bảo vệ quyền lợi riêng của mình. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần sẵn sàng cho mọi kịch bản phát triển lưu vực khi mà chúng ta không có nhiều lựa chọn do ở vị trí cuối nguồn.

Trên cơ sở nhận định tình hình khu vực và bối cảnh hiện tạo, chúng tôi cho rằng các giải pháp ứng phó của Việt Nam có thể thực hiện bao gồm:

Một là, duy trì và tăng cường hợp tác Mê Kông thông qua Ủy hội sông Mê Kông quốc tế. Cho đến hiện tại, khuôn khổ hợp tác quốc tế tốt nhất để trao đổi, đàm phán và tìm kiếm sự đồng thuận trong vấn đề phát triển lưu vực là thông qua Hiệp định về hợp tác phát triển bền vững lưu vực sông Mê Kông (Hiệp định 1995). Việt Nam cần tích cực thúc đẩy tăng cường sức mạnh của Ủy hội và các cơ chế của Ủy hội trên cơ sở hợp tác với các quốc gia thành viên, các đối tác phát triển và các nhà tài trợ.

Hai là, đầu tư nâng cao năng lực tổ chức cho Ủy ban sông Mê Kông Việt Nam với đầy đủ nguồn lực để thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu, giám sát tác động, tìm kiếm giải pháp nhằm tham vấn kịp thời cho Chính phủ trong hoạch định chính sách và hợp tác với các quốc gia trong lưu vực.

Ba là, tích cực tạo sự đồng thuận trong việc định hướng mô hình phát triển của lưu vực Mê Kông và trong cộng đồng ASEAN. Theo đó, cần hướng đến mô hình phát triển giảm thiểu phát thải, giảm thiểu tiêu thụ năng lượng, sử dụng khôn khéo tài nguyên thiên nhiên. Trong định hướng xây dựng cộng đồng chung ASEAN, Việt Nam nên ủng hộ quan điểm bổ sung trụ cột môi trường bên cạnh ba trụ cột hiện tại là kinh tế, an ninh và văn hóa – xã hội.

Bốn là, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ trong nghiên cứu, phổ biến thông tin, thúc đẩy hợp tác, đối thoại ở cấp quốc gia và khu vực nhằm tạo sự ủng hộ, đồng thuận của xã hội trong bảo vệ lợi ích chung của người dân trong lưu vực nói chung và Việt Nam nói riêng.

Năm là, tăng cường hợp tác với cộng đồng các nhà tài trợ và đối tác phát triển của Lào và Cambodia nhằm hỗ trợ nước bạn tìm kiếm các giải pháp phát triển tối ưu, bền vững, phù hợp với tinh thần hợp tác giữa các quốc gia trong lưu vực. Với kinh nghiệm về tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo đã được công nhận, Việt Nam có thể giúp các nước

bạn sử dụng nguồn lực quốc tế một cách hiệu quả, áp dụng cách mô hình tốt và tránh những hậu quả tiêu cực có thể vấp phải trong quá trình phát triển.

Sáu là, sử dụng một cách hiệu quả các công cụ đầu tư và hỗ trợ phát triển để phục vụ mục tiêu các bên đều có lợi. Chúng tôi cho rằng đây là giải pháp quan trọng nhưng hiện nay chưa được quan tâm một cách đúng mức. Phần cuối của bài viết này sẽ đi sâu vào bàn luận về hướng ứng phó này.

Sử dụng hợp lý công cụ đầu tư và hỗ trợ phát triển

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa, Việt Nam không chỉ là một điểm đến của các nhà đầu tư quốc tế mà còn là một nhà đầu tư ra nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Bên cạnh nguồn đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp, Việt Nam cũng tích cực cung cấp hỗ trợ phát triển cho một số quốc gia.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài chủ yếu tập trung ở khu vực Mê Kông. Cho đến hết tháng 9/2012, tổng đầu tư trực tiếp của Việt Nam vào Lào là gần 3,8 tỉ đô-la với 221 dự án; gần 2,57 tỉ đô-la với 123 dự án vào Cambodia[7]. Hai quốc gia này chiếm tỉ trọng gần 50% trong tổng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam. Trong những năm vừa qua, Việt Nam luôn nằm trong top đầu trong danh sách các nhà đầu tư vào hai quốc gia này. Theo thống kê của Hiệp hội các nhà đầu tư sang Myanmar, đến cuối năm 2011, Việt Nam có 14 dự án đang trong quá trình nghiên cứu, nộp hồ sơ xin đầu tư hoặc các ý tưởng đầu tư được công bố, triển khai với giá trị ghi nhớ là 580 triệu USD[8].

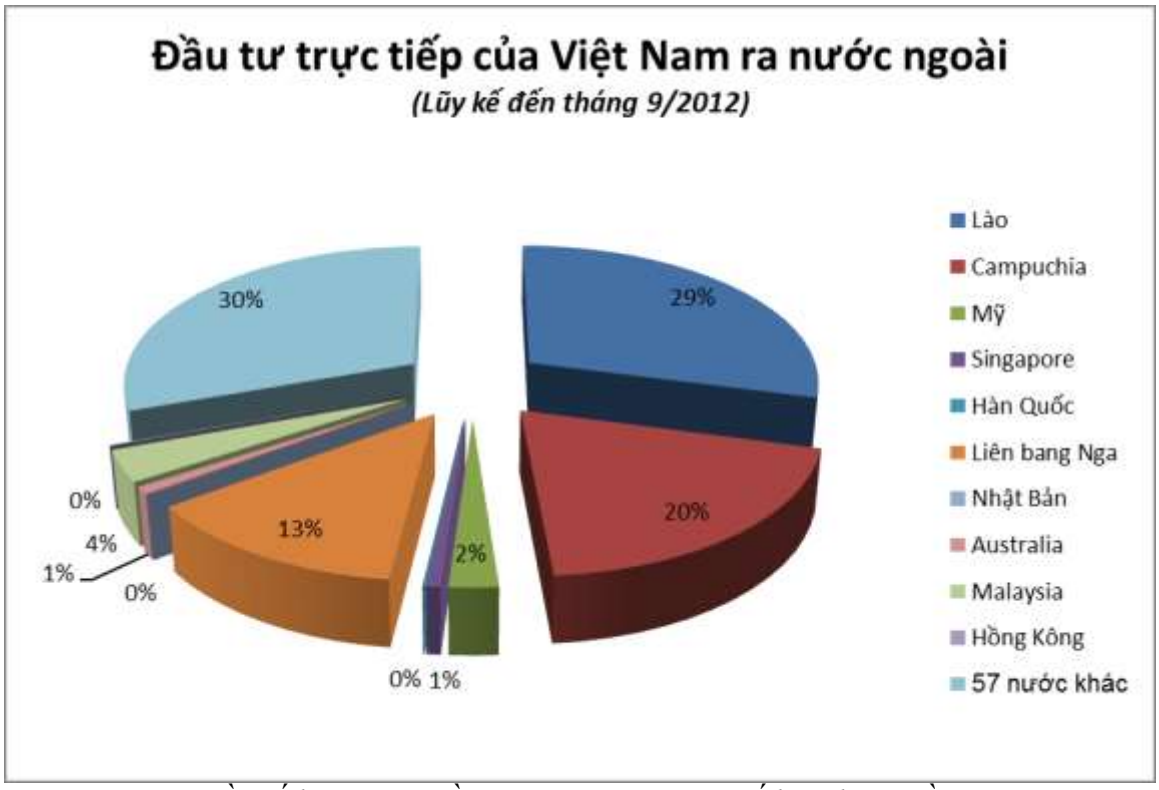

Nguồn số liệu: Cục Đầu tư Nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trong cơ cấu đầu tư trực tiếp nước ngoài, các lĩnh vực liên quan đến tài nguyên thiên nhiên (khai khoáng, thủy điện, khai thác lâm sản, nông lâm nghiệp) chiếm tỉ trọng lớn. Điều này đặt ra một số thách thức và có nguy cơ ảnh hưởng đến nỗ lực đàm phán về phát triển bền vững sông Mê Kông khi chính các doanh nghiệp Việt Nam có thể tạo ra những tác động tiêu cực lên lưu vực trong quá trình đầu tư của mình.

Câu hỏi đặt ra là liệu doanh nghiệp có thể vừa đảm bảo mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận, vừa có thể tạo hiệu ứng tích cực để nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam như một quốc gia có trách nhiệm trong vấn đề phát triển lưu vực sông Mê Kông hay không? Ở đây đòi hỏi có sự nỗ lực của cả hai phía doanh nghiệp và Chính phủ. Với vị trí nhà đầu tư, các doanh nghiệp Việt Nam nên tìm hiểu và áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong quá trình triển khai các hoạt động dự án của mình ở các nước bạn nhằm giảm thiểu các hệ quả môi trường – xã hội. Về phía Chính phủ, cần có các công cụ quản lý hữu hiệu, đảm bảo giám sát các dòng đầu tư để không bị ảnh hưởng uy tín quốc gia do hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cần có cơ chế khuyến khích để các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực tốt trong đầu tư nước ngoài.

Nhìn nhận ở khía cạnh đánh đổi lợi ích, Chính phủ có thể tính toán liệu việc gia tăng đầu tư vào Lào và Cambodia giúp bạn từ bỏ tham vọng xây dựng hệ thống đập thủy điện dòng chính hay không. Theo ước tính tổng lượng tiền đầu tư vào các 12 dự án đập thủy điện dòng chính của Lào và Cambodia khoảng 25 tỉ USD – gấp khoảng 4 lần tổng đầu tư trực tiếp của Việt Nam vào 2 quốc gia này tính đến thời điểm hiện tại. Nếu có được sự đồng thuận với các nhà đầu tư và đối tác phát triển khác, Việt Nam có thể giúp Lào và Cambodia lựa chọn các lĩnh vực phát triển bền vững, hiệu quả và ít tác động hơn thủy điện để phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Trong trường hợp này, sự đồng hành của các doanh nghiệp Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng.

Một công cụ khác cần được cân nhắc sử dụng một cách hợp lý là viện trợ phát triển. Viện trợ phát triển hay hỗ trợ phát triển bao gồm các khoản tài trợ và cho vay đối với các quốc gia và vùng lãnh thổ đang phát triển, được các quốc gia phát triển sử dụng như một công cụ đối ngoại bên cạnh mục đích giúp đỡ các quốc gia khác. Bên cạnh góp phần phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo, nguồn vốn hỗ trợ phát triển còn có thể tài trợ cho các lĩnh vực khác như giáo dục, y tế, môi trường, tăng cường giao lưu văn hóa, v.v.

Trong giai đoạn 2008-2010, Lào nhận được hơn 1,33 tỉ USD hỗ trợ phát triển; Cambodia là hơn 2,2 tỉ USD[9]. Ngược lại với nguồn đầu tư trực tiếp, Việt Nam không nằm trong top các quốc gia cung cấp hỗ trợ phát triển cho hai quốc gia này. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam và nhiều doanh nghiệp đã có nhiều hoạt động tài trợ, hỗ trợ phát triển cho hai quốc gia này ở các quy mô khác nhau.

Chúng tôi cho rằng Việt Nam cần cân nhắc thành lập một cơ quan phát triển quốc tế theo mô hình các nước phát triển đang thực hiện. Cơ quan này sẽ đảm trách thu hút nguồn lực từ Chính phủ, doanh nghiệp và các nhà tài trợ khác để thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển tại các quốc gia đối tác quan trọng (cụ thể trước mắt là Lào và Cambodia). Bên cạnh mục tiêu tập trung nguồn lực và chuyên môn hóa hoạt động hỗ trợ

phát triển, cơ quan này cũng sẽ giúp nâng cao hình ảnh, uy tín của Việt Nam như là một đối tác có trách nhiệm và tin cậy.

Nếu sử dụng một cách hiệu quả nguồn đầu tư trực tiếp và viện trợ phát triển, Việt Nam có thể gia tăng tiếng nói trên bàn đàm phán, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên. Việt Nam có thể kêu gọi các đối tác phát triển khác tham gia vào bài toán đánh đổi này để đảm bảo lưu vực hạ Mê Kông không bị đe dọa bởi tác động của hệ thống đập thủy điện trên dòng chính.

Chú thích bản đồ: Hệ thống đập thủy điện trên dòng chính sông Mê Kông (màu đen: đã xây dựng; màu xám: đang xây dựng; màu trắng: dự kiến). Bản quyền của TERRA.

Lời cảm ơn: Các tác giả xin chân thành cảm ơn Ts. Đào Trọng Tứ, Ts. Lê Anh Tuấn và Th.S Nguyễn Hữu Thiện đã đóng góp ý kiến, giúp chúng tôi hoàn thiện bài viết này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Stone R. Mayhem on The Mekong. *Science*. 2011;333(August):814–818. Available at: http://www.sciencemag.org/content/333/6044/814.short.

2. ICEM. *Strategic Environmental Impact Assessment for Hydropower on the Mekong Mainstream. Final Report, prepared for the Mekong River Commission*. Hanoi; 2010. Available at: http://www.mrcmekong.org/ish/SEA/SEA-Main-Final-Report.pdf.

3. Nhóm công tác Mê Kông. Một số phân t ích các vấn đề chính liên quan đến dự án thủy điện Xayaburi và bậc thang thủy điện trên dòng chính hạ lưu lưu vực Mê Kông. 2011.

4. Costanza R, Kubiszewski I, Paquet P, et al. *Planning Approaches for Water Resources Development in the Lower Mekong Basin*.; 2011. Available at: http://web.pdx.edu/~kub/publicfiles/Mekong/LMB_Report_FullReport.pdf.

5. Ủy ban sông Mê Công Việt Nam. Dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược phát triển lưu vực dựa trên quản lý tổng hợp tài nguyên nước của Ủy hội sông Mê Công. 2012.

6. Trung tâm Con người và Thiên nhiên. Thủy điện Mê Kông: Ai được, ai mất? 2011. Available at: http://nature.org.vn/vn/2011/10/thuy-dien-me-kong-ai-duoc-ai-mat/.

7. Cục Đầu tư Nước ngoài. Tình hình đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài 9 tháng đầu năm 2012. 2012. Available at: http://fia.mpi.gov.vn/News.aspx?ctl=newsdetail&p=3&aID=1243. Accessed October 22, 2012.

8. Hiệp hội các nhà đầu tư sang Myanmar. Tình hình hợp tác kinh tế - thương mại - du lịch giữa Việt Nam và Myanmar. 2011. Available at:

http://avim.com.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=60&Itemid=79&lang=vi. Accessed October 22, 2012.

9. OECD. Aid Statistics, Recipient Aid at a glance. 2012. Available at: www.oecd.org/dac/stats/recipientcharts. Accessed October 22, 2012.